

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 17 - 04 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huy

2. Ông Phạm Bá Thoan

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Trọng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A (A)

Địa chỉ trụ sở: số 18 Trần Hữu D, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồng Thanh C - Chức vụ: Giám đốc A - Chi nhánh huyện Quan Sơn (Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồng Thanh C: Ông Ngô Thanh H - Chức vụ: Phó Giám đốc A - Chi nhánh huyện Quan Sơn (Văn bản ủy quyền số 326/NHNo.QS-UQ ngày 01/9/2024).

Có mặt.

Bị đơn:

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1980; bà Lò Thị X, sinh năm 1951; chị Phạm Thị Kim H, sinh năm 2006. Cùng địa chỉ: bản X, xã S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Bà Hà Thị C - Sinh năm 1985;

Địa chỉ: thôn B, xã K, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 15/10/2024, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngô Thanh H trình bày:

A cho hộ gia đình ông Phạm Văn T, bà Lò Thị X, chị Phạm Thị Kim H và bà Hà Thị C vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số: 3526-LAV-202200334 ngày 22/4/2022, cụ thể như sau:

Số tiền vay: 170.000.000 đồng.

Mục đích vay: chi phí cải tạo và tu bổ rừng luồng vầu.

Thời hạn vay: 57 tháng, kể từ ngày ký đến hết ngày 22/01/2027.

Định kỳ trả gốc: 02 kỳ, kỳ 1: Ngày 30/4/2026 trả nợ gốc: 34.000.000đ; kỳ 2: ngày 22/01/2027 trả nợ gốc: 136.000.000đ

Kỳ hạn trả lãi: 06 tháng/ lần vào ngày 30.

Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm kỳ hợp đồng này là: 10,5% trên nợ gốc (với biên độ $K=5\%/năm$). Lãi suất cho vay bằng (=) trần lãi suất huy động có kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam theo quy định của A, cộng (+) biên độ K. Thời điểm điều chỉnh lãi suất: ngay sau khi trần lãi suất huy động có kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam theo quy định của A thay đổi, Bên A và bên B sẽ thỏa thuận việc thay đổi lãi suất cho vay bằng việc ký văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng kèm theo.

Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Vào ngày 29/12/2023 A và đại diện bên vay là ông Phạm Văn T ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: 3526280644054 sửa đổi, bổ sung nội dung một số nội dung, trong đó có nội dung:

Lãi suất trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng này là: 11,5%/năm; hệ số $K = 4,1$.

Kỳ hạn trả nợ lãi tiền vay: 01 tháng/lần vào ngày 09 hàng tháng.

Tại thông báo điều chỉnh giảm lãi suất cho vay của A chi nhánh Quan Sơn ngày 01/4/2024 đã điều chỉnh lãi suất cho vay tại hợp đồng tín dụng số 3526LAV202200334, lãi suất cho vay được đình chỉnh thành 11%/năm kể từ ngày 01/4/2024 đến ngày 31/12/2024.

- **Tài sản bảo đảm cho khoản vay:** Cho vay không có bảo đảm tài sản theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ (02/5/2024), với mức lãi suất nợ quá hạn. Theo đơn khởi kiện, tạm tính đến hết ngày 15/10/2024, nợ các khoản vay nêu trên là: **188.234.247 đồng** (*một trăm tám tám triệu hai trăm ba tư nghìn hai trăm bốn bảy đồng*); trong đó nợ gốc: 170.000.000 đồng; nợ lãi là: **18.234.247 đồng**.

Nay A yêu cầu bị đơn phải trả cho ngân hàng toàn bộ số nợ tính đến ngày xét xử (17/4/2025), tổng số tiền: **197.961.508 đồng** (*Một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm sáu một nghìn năm trăm linh tám*); trong đó nợ gốc là: **170.000.000 đồng**; nợ lãi trong hạn là: **27.961.508 đồng**, nợ lãi quá hạn là: **0 đồng**.

Do bị đơn vi phạm hợp đồng tín dụng nên A yêu cầu:

a. Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với A, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến hết ngày 17/4/2025 các khoản tiền này là:

Tổng cộng: 197.961.508 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn năm trăm linh tám)

b. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn như trong thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày bị đơn thực tế thanh toán hết nợ cho A.

Kèm theo đơn khởi kiện, A còn gửi cho Tòa án các văn bản liên quan đến các Hợp đồng tín dụng; các văn bản liên quan đến việc yêu cầu trả nợ, quá trình trả nợ; các văn bản thể hiện tư cách đương sự và các văn bản ủy quyền tham gia tố tụng; bản sao chứng thực căn cước công dân/ chứng minh nhân dân của ông Hồng Thanh C, ông Ngô Thanh H.

* *Quá trình giải quyết vụ án*, các bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án, Thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng bị đơn Lò Thị X và Phạm Thị Kim H không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

**Tại bản tự khai ngày 28/10/2024*, bị đơn ông Phạm Văn T chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có trách nhiệm sẽ trả toàn bộ số nợ cho A.

**Tại bản tự khai ngày 11/11/2024*, bị đơn bà Hà Thị C chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về quá trình trả nợ thì bà Chăm không được biết vì toàn bộ diễn biến quá trình trả nợ do ông T thực hiện, bà không có ý kiến gì về quá trình trả nợ của ông T đối với A. Bà đề nghị ông Phạm Văn T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho A. Nếu ông T không trả được nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc tất cả các bị đơn đều phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho A.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bị đơn Phạm Văn T và Hà Thị C chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phân tranh luận: không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng nhưng bên vay không có đăng ký kinh doanh nên là tranh chấp dân sự. Giao dịch dân sự được thực hiện tại nơi bị đơn cư trú là huyện Quan Sơn. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng tại phiên toà bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[3] Hợp đồng tín dụng số 3526-LAV-202200334 ngày 22/4/2022 đã đảm bảo các điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định tại các Điều 117, 138 của Bộ Luật Dân sự và các quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên Hợp đồng có hiệu lực.

[4] Về trách nhiệm liên đới: Theo Hợp đồng ủy quyền vay vốn ngày 20/4/2022 các bị đơn Lò Thị X, Phạm Thị Kim H, Hà Thị C là người ủy quyền cho ông Phạm Văn T đại diện gia đình trực tiếp ký Hợp đồng tín dụng với A. Do vậy, các ông/bà Phạm Văn T, Lò Thị X, Phạm Thị Kim H, Hà Thị C đều phải có trách nhiệm liên đới thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho A theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự.

[5] Về quá trình thực hiện Hợp đồng và trách nhiệm dân sự: Bên vay tài sản là ông Phạm Văn T, bà Lò Thị X, chị Phạm Thị Kim H và bà Hà Thị C đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng nên phải có trách nhiệm trả nợ theo các điều khoản có trong Hợp đồng tín dụng 3526-LAV-202200334 ngày 22/4/2022 là phù hợp với quy định tại các Điều 357; 465; 466 của Bộ luật Dân sự.

[6] Xét tính hợp pháp của số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ, HĐXX thấy rằng:

- Khoản tiền gốc 170.000.000 đồng là tiền bị đơn vay, mặc dù chưa đến hạn trả (kỳ 1: vào ngày 30/4/2026) nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả lãi trả nên A yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ gốc cho nguyên đơn là phù hợp với các điều khoản đã thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Cụ thể: do bị đơn không trả lãi đúng hạn nên Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6: **Tạm ngừng cho vay, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn** của Hợp đồng tín dụng (điểm b: “*Khách hàng vi phạm nội dung đã thoả thuận trong Hợp đồng này mà không có biện pháp khắc phục khả thi được Ngân hàng chấp nhận*”) và theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Hợp đồng tín dụng (khoản 2: “*Khi thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, Ngân hàng thông báo cho khách hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Trường hợp khách hàng bị thu hồi nợ trước hạn mà không trả nợ theo thời hạn thông báo của ngân hàng thì khoản nợ gốc của khách hàng bị chuyển sang nợ quá hạn. Khách hàng phải chịu lãi suất quá hạn trên số nợ gốc quá hạn*”) A đã ra thông báo

Giấy báo nợ quá hạn ngày 10/4/2025 yêu cầu bên vay phải thanh toán các khoản nợ trước ngày 30/4/2025. Bên vay đã nhận được thông báo nhưng đến hạn không trả. Do vậy, A được quyền thu hồi nợ trước hạn và tính lãi suất quá hạn.

- Số tiền lãi trong hạn 27.961.508 đồng chưa trả tính đến ngày 17/4/2025 theo yêu cầu của nguyên đơn trong Hợp đồng tín dụng số 3526-LAV-202200334 ngày 22/4/2022 là phù hợp với các điều khoản ghi trong hợp đồng nên chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tính đến ngày 17/4/2025 là **197.961.508** đồng (*Một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm sáu một nghìn năm trăm linh tám*); trong đó nợ gốc là: 170.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 27.961.508 đồng, nợ lãi quá hạn là: 0 đồng.

[7] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[8] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 117; 138; 139; 288; 357; 465; 466 của Bộ Luật Dân sự.

- Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng.

- Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Cụ thể:

Buộc ông Phạm Văn T, bà Lò Thị X, chị Phạm Thị Kim H, bà Hà Thị C phải trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng A, tổng số tiền: **197.961.508** đồng (*Một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm sáu một nghìn năm trăm linh tám*), trong đó:

Tổng nợ gốc: 170.000.000 đồng.

Tổng nợ lãi trong hạn: 27.961.508 đồng.

Tổng nợ lãi quá hạn: 0 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Văn T, bà Lò Thị X, chị Phạm Thị Kim H, bà Hà Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên

thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Về án phí: ông Phạm Văn T, bà Lò Thị X, chị Phạm Thị Kim H, bà Hà Thị C phải chịu 9.898.000 đồng (Chín triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng - đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng A không phải chịu án phí nên được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.706.000 đồng (bốn triệu bảy trăm linh sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002539 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Quan Sơn (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Trịnh Xuân Tùng